TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST
Ngày 20 - 12 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Điển;

Ông Nguyễn Minh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2017, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2019/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD; trụ sở chính: Số 41 và 45 A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là: Ông D; địa chỉ: 66A E, phường E, quận F, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền lại số 15/2019/GUQ-PD ngày 01-5-2019 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD - Chi nhánh Hải Phòng); có mặt;

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần SL; địa chỉ: Số 63 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là: Ông J; địa chỉ: Số 5/37 K, phường L, quận M, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo pháp luật – chức vụ Giám đốc Công ty; vắng mặt;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà NLQ; trú tại: Số 46 N, phường O, quận P, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: Ông Q luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hải Phòng thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-02-2017, quan điểm trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD (sau đây viết tắt là PD) trình bày:

PD - Chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần SL (sau đây viết tắt là SL) đã thỏa thuận, ký kết Hợp đồng tín dụng số 032/2012/HĐTD-DN ngày 22-08-2012 và các Khế ước nhận nợ cụ thể như sau: Khế ước 1: LD1322600004 ngày 14-08-2013; Khế ước 2: LD1322700004 ngày 15-08-2013; Khế ước 3: LD1322800008 ngày 16-08-2013; Khế ước 4: LD1322900041 ngày 17-08-2013. Tổng số tiền vay: 7.000.000.000 đồng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của SL. Lãi suất vay: Theo từng khế ước vay nợ. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Các điều kiện khác: Theo các khế ước vay nợ và Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên gồm các bất động sản sau:

Tài sản 1: Nhà đất tại Số 63, đường G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 950379, số vào sổ cấp GCN: CH 00162 do UBND quận I cấp ngày 14-11-2011 đứng tên bà R. Đã được giải chấp tài sản trước khi PD khởi kiện.

Tài sản 2: Nhà đất tại Số 39 ngõ 855 Đại lộ S, phường T, quận I, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 963386, số vào sổ cấp GCN: CH 00212 do UBND quận I cấp ngày 23-09-2010 cấp cho bà NLQ (tài sản riêng). Đã được giải chấp tài sản trước khi PD khởi kiện.

Tài sản 3: Nhà đất tại Số 20P1 (nay là số 46 U), phường V, quận M, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 030305NONO, hồ sơ gốc số: 9364 do Sở xây dựng – TP. Hải Phòng cấp ngày 17-07-2007 cấp cho ông W, vợ là V và con là X. Ngày 27-05-2009, chuyển nhượng cho bà NLQ (tài sản riêng) theo hợp đồng mua bán nhà ở được phòng công chứng số 1 chứng nhận, số 1358.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, SL đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi được quy định trong các Hợp đồng tín dụng số

032/2012/HĐTD-DN ngày 22-08-2012. Khách hàng đã quá hạn từ ngày 14-08-2014 (ngày khách hàng vi phạm không trả nợ). PD đã nhiều lần đôn đốc, làm việc với SL về việc thanh toán nợ đến hạn thì tính đến ngày 20-12-2019, SL và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho PD tổng số tiền: 10.054.931.813 đồng, gồm: Nợ gốc: 7.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 36.400.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 3.018.513.813đồng. Dư nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên tạm tính đến ngày 20-12-2019 là: 1.156.805.035 đồng tiền nợ lãi quá hạn. SL vẫn không thanh toán được khoản nợ này cho Ngân hàng. Vì vậy, SL đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng số 032/2012/HĐTD-DN ngày 22-08-2012.

Do vậy PD đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc SL phải trả khoản nợ lãi quá hạn tính đến ngày 20-12-2019 là: 1.156.805.035 đồng và các khoản nợ lãi, chi phí phát sinh, chi phí xử lý nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng PD cho đến khi SL hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Tại đơn khởi kiện PD yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Nhà đất tại Số 20P1 (nay là số 46 U), phường V, quận M, thành phố Hải Phòng của bà NLQ. Tuy nhiên, ngày 13-11-2019 bà NLQ đã trả nợ thay cho SL nên PD đã giải chấp tài sản của bà NLQ. Vì vậy, PD rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông J vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn cũng như đã nhiều lần triệu tập đương sự đến Toà án để làm việc nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn đều vắng mặt không có lý do và không văn bản thể hiện quan điểm, ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Toà án cũng như không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Theo bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà NLQ trình bày:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác nhận có ký kết Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của SL như đại diện PD đã trình bày. Số tiền vay, gia đình không nhận bất kỳ đồng nào mà toàn bộ đều là SL sử dụng. Ngày 13-11-2019, gia đình bà NLQ đã trả nợ thay cho SL để giải chấp tài sản bảo đảm. Nay bà NLQ đề nghị SL có trách nhiệm trả lại cho bà NLQ số tiền bà NLQ đã trả nợ thay cho SL.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viển Kiểm sát; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng; người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên toà đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên thời hạn giải quyết có bị kéo dài do vụ án có tính chất khó khăn, phức tạp.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 307, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ các điều 122, 124, 280, 281, 290, 318, 319, 323, 342, 343, 344, khoản 7 Điều 351, khoản 2 Điều 353, 355, 389, 401, 402, 405, 471, 474, 476, 478, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ Điều 91, khoản 16 Điều 4 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); căn cứ Điều 302, Điều 303, Điều 306 Luật Thương mại; căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của PD đối với SL. Buộc SL phải thanh toán cho PD số tiền còn nợ lãi quá hạn tính đến ngày 20-12-2019 là: 1.156.805.035 đồng.

Đối với khoản tiền nợ nêu trên, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án dân sự không thi hành thì hàng tháng phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí sơ thẩm: Trả lại PD số tiền đã tạm ứng án phí. SL phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy những người này vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227

và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận I nên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng thụ lý giải quyết và xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu: Các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu theo khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự.

[4] Về hiệu lực của các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa các bên: Các hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự thỏa thuận giữa các bên; hình thức và nội dung của hợp đồng đều phù hợp với quy định tại các điều 122, 124, 318, 319, 342, 343, 344, 389, 401, 402 và 405 của Bộ luật Dân sự năm 2005; phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Như vậy, các hợp đồng trên đều có hiệu lực pháp luật, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận trên hợp đồng.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, PD đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, SL đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trong quá trình đôn đốc trả nợ và khởi kiện tại Tòa án, tính đến ngày 20-12-2019, SL và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thanh toán tổng số tiền là 10.054.931.813 đồng; trong đó nợ gốc 7.000.000.000 đồng; lãi 3.054.931.813 đồng và và còn nợ khoản tiền nợ lãi quá hạn là 1.156.805.035 đồng cho PD theo thỏa thuận và cam kết trong hợp đồng. Như vậy, SL đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Các khoản nợ cụ thể mà PD yêu cầu SL phải trả đều có các tài liệu chứng từ chứng minh. Khoản tiền lãi được tính toán theo đúng thỏa thuận về mức lãi suất giữa các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật. Thời gian chịu lãi được tính chính xác theo hợp đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại các điều 280, 281, 290, 471 , 474, 476 và 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều

302, Điều 303, Điều 306 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 91, khoản 16 Điều 4 và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Buộc SL phải thanh toán cho PD số tiền còn nợ lãi quá hạn tính đến ngày 20-12-2019 là: 1.156.805.035 đồng.

[6] Về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất tại địa chỉ: Số 20P1 (nay là số 46 U), phường V, Quận M, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 030305NONO, hồ sơ gốc số: 9364 do Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 7 năm 2007 cho ông W, vợ là V và con là X. Ngày 27 tháng 5 năm 2009, ông W, bà V và chị X đã chuyển nhượng cho bà NLQ (tài sản riêng) theo hợp đồng mua bán nhà ở được Phòng Công chứng số 1 chứng nhận, số 1358.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà NLQ và PD đã thực hiện việc giải chấp tài sản với nhau. Ngày 20-11-2019, PD đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm. Việc PD rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là hoàn toàn tự nguyện và đúng với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên PD không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Trả lại PD số tiền 39.416.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009833 ngày 06-06-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

SL phải chịu tiền án phí sơ thẩm là : 46.704.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 307, Điều 357, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 122, 124, 280, 281, 290, 318, 319, 323, 342, 343, 344, khoản 7 Điều 351, khoản 2 Điều 353, 355, 389, 401, 402, 405, 471, 474, 476, 478, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, khoản 16 Điều 4 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 302, Điều 303 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD đối với Công ty Cổ phần SL:

Buộc Công ty Cổ phần SL phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD số tiền nợ lãi quá hạn còn nợ tính đến ngày 20-12-2019 là: 1.156.805.035 đồng.

Đối với khoản tiền nợ nêu trên, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án dân sự không thi hành thì hàng tháng phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD về việc yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất tại địa chỉ: Số 20P1 (nay là số 46 U), phường V, Quận M, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 030305NONO, hồ sơ gốc số: 9364 do Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 7 năm 2007 cho ông W, vợ là V và con là X. Ngày 27 tháng 5 năm 2009, ông W, bà V và chị X đã chuyển nhượng cho bà NLQ (tài sản riêng) theo hợp đồng mua bán nhà ở được Phòng Công chứng số 1 chứng nhận, số 1358.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD số tiền 39.416.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009833 ngày 06-06-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Công ty Cổ phần SL phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 46.704.000 đồng (bốn mươi sáu triệu bảy trăm linh bốn ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn có quyền kháng cáo;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết đối với đối với bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đều có quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Trung Dũng